

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC VỚI NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI

HOÀNG VĂN HÀ*

Trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người, việc nghiên cứu, nắm vững đặc điểm tâm lý của nạn nhân bị mua bán có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này là cơ sở để các lực lượng chức năng nâng cao hiệu quả công tác trong quá trình làm việc, tiếp xúc với nạn nhân của tội phạm mua bán người.

Từ khóa: Đặc điểm tâm lý, tội phạm mua bán người, nạn nhân.

Ngày nhận bài: 20/4/2021; Biên tập xong: 27/4/2021; Duyệt đăng: 27/4/2021.

It has been a significant matter to study the psychological characteristics of trafficking victims in the fight against human trafficking crimes. That will be the ground for functional forces to improve the working efficiency with trafficking victims.

Keywords: Psychological characteristics; human trafficking crimes, victims.

Theo Điều 3 của Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc năm 2000), nạn nhân của tội phạm mua bán người “là người bị người phạm tội tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp, tiếp nhận vì mục đích bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, nô lệ hoặc các hình thức tương tự như nô lệ, khổ sai hay lấy bộ phận cơ thể”. Nói cách khác, nạn nhân chính là các đối tượng mà người phạm tội hướng đến để thực hiện mục đích bóc lột, tìm kiếm lợi nhuận bằng các phương thức, thủ đoạn phạm tội khác nhau nhằm biến con người thành hàng hóa, thành công cụ biết nói để đem về lợi nhuận cho người phạm tội.

Pháp luật hình sự Việt Nam mặc dù có sử dụng thuật ngữ “nạn nhân” trong quy định tại Điều 119, Điều 120 của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 150, Điều 151 BLHS năm 2015 nhưng các điều luật đều không đưa ra khái niệm nạn nhân.

Khoản 4 Điều 2 Luật phòng chống mua bán người năm 2011 đưa ra khái niệm nạn nhân: “Nạn nhân là người bị xâm hại bởi hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 của Luật này”. Theo đó, Điều 3 Luật này quy định nạn nhân là những người bị xâm hại bởi các hành vi sau đây:

1. Mua bán theo quy định tại Điều 119 và 120 của Bộ luật hình sự.

2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

3. Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật phòng chống mua bán người.

Như vậy, căn cứ vào các quy định nêu trên, có thể hiểu nạn nhân của tội phạm mua bán người là người bị người phạm tội xâm phạm, gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Trong đó, thiệt hại về thể chất là những thiệt hại về sức khỏe, tính mạng; thiệt hại về tinh thần là những thiệt hại về danh dự, nhân phẩm; thiệt hại về tài sản là những thiệt hại về vật chất có thể xác định được, như mất thu nhập, tiền chữa trị thương tích khi phải điều trị bệnh tật, thương tích do hành vi phạm tội gây ra, tiền lo mai táng khi nạn nhân bị chết...

Qua đó có thể thấy rằng, mặc dù BLHS và Bộ luật tố tụng hình sự nước ta không có quy định về khái niệm nạn nhân nhưng có thể hiểu nạn nhân chính là người bị hại trong vụ án mua bán người. Việc nghiên cứu và hiểu biết sâu sắc về nạn nhân, đặc biệt là những đặc điểm về nạn nhân có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác phòng chống tội phạm mua bán người.

1. Một số đặc điểm về tâm lý nạn nhân của tội phạm mua bán người

Thực tiễn cho thấy đặc điểm tâm lý phổ biến nhất của nạn nhân tội phạm mua bán người là ít khi tự nhận mình là nạn nhân bị mua bán. Đặc biệt, trong những trường hợp nạn nhân bị mua

* Đại úy, Thạc sĩ, Giảng viên chính Khoa Cảnh sát hình sự, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

bán phụ thuộc vào các đối tượng phạm tội mua bán người, họ có thể không nhận ra hoặc không thừa nhận rằng họ là nạn nhân. Nhiều nạn nhân xem đối tượng mua bán người như ân nhân vì đã giúp họ thoát khỏi tình cảnh nghèo khổ ở quê nhà. Họ thậm chí có thể có quan hệ họ hàng với đối tượng phạm tội.

Trong các vụ án mua bán người vì mục đích cưỡng ép kết hôn hay mua bán trẻ em nhằm mục đích bóc lột, đối tượng phạm tội có thể là cha mẹ của nạn nhân hoặc các thành viên khác trong gia đình dẫn đến việc nạn nhân không muốn hoặc không dám đi trình báo cơ quan chức năng. Điều này cũng có thể đúng với các hình thức mua bán người và bóc lột khác khi có những mối quan hệ cá nhân đặc biệt giữa nạn nhân và đối tượng buôn người. Ngay cả khi không có mối quan hệ trước đó, nạn nhân có thể dính líu vào mối quan hệ cá nhân với đối tượng buôn người mà không biết rằng mối quan hệ đó là một phương tiện để điều khiển họ. Trong một số vụ án mua bán người, sau một thời gian sống cùng đối tượng buôn người, nạn nhân có thể nảy sinh tình cảm quý mến, đồng cảm với đối tượng (hiện tượng này trên thế giới còn được biết đến với tên gọi “*hội chứng Stockholm*”)¹.

Các đặc điểm tâm lý khác của nạn nhân khiến cho họ không muốn hợp tác, không muốn kể lại câu chuyện với người khác xuất phát từ việc không hiểu rõ mục đích của việc hợp tác hoặc trải nghiệm trước đó khi phải tự trình báo cho cơ quan chức năng mà không đạt được kết quả gì. Đặc biệt là trong trường hợp nạn nhân đã bị đưa ra nước ngoài trái phép, họ thường có tâm lý lo sợ bị trục xuất do sinh sống, làm việc trái phép ở quốc gia bị đưa đến. Các nạn nhân bị mua bán khác mặc dù chịu đau khổ nặng nề dưới sự điều khiển của đối tượng buôn người nhưng vẫn có thể vẫn chịu đựng tình trạng bóc lột và lạm dụng bởi nhiều lý do khác nhau. Vì vậy, nạn nhân bị mua bán không thể thoát khỏi tình cảnh bị bóc lột cũng như không muốn hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật. Điều này xuất phát từ các yếu tố sau:

Nỗi sợ hãi hoặc thiếu niềm tin vào cơ quan bảo vệ pháp luật

Trường hợp nạn nhân bị đưa ra nước ngoài, đối tượng buôn người thường thuyết phục họ không nên tìm sự hỗ trợ từ cơ quan chức năng vì họ sẽ bị bắt giữ, trục xuất hoặc bị giam giữ do tình trạng nhập cư hoặc các hoạt động bất hợp pháp phát sinh từ tình trạng của mình (ví dụ như cư trú trái phép, hành nghề mại dâm...). Bên cạnh đó, nạn nhân có thể bị giữ giấy tờ tùy thân. Đây là thủ đoạn rất hiệu quả của đối tượng buôn người

trong việc ngăn không cho nạn nhân trốn thoát hoặc cầu cứu cơ quan chức năng. Đối với hầu hết nạn nhân, việc bị trục xuất sẽ khiến cho gia đình họ lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn. Khi đó, họ có thể có nguy cơ rơi vào tình trạng bị thất nghiệp, kết hợp với nỗi lo sợ bị trục xuất hoặc bắt giam vì hành vi của mình, nạn nhân sẽ không dám bỏ trốn, từ đó nảy sinh tâm lý sợ hãi và bất hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật.

Do đó, các cơ quan bảo vệ pháp luật cần khuyến khích nạn nhân hợp tác bằng cách tạo niềm tin cho họ vào chính quyền. Nạn nhân cần biết rằng họ sẽ không bị xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội của họ do hệ quả của việc bị mua bán, bao gồm cả hành vi xuất, nhập cảnh trái phép. Ngoài ra, một biện pháp hữu ích khác để giảm thiểu nỗi sợ đối với chính quyền cho nạn nhân là giải thích cho họ biết vai trò của các cơ quan tố tụng và mục đích của các hoạt động tố tụng, ví dụ như khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử... nhằm giúp xử lý đối tượng phạm tội và bảo vệ quyền lợi của nạn nhân.

Nỗi sợ hãi về các mối đe dọa và trả thù từ những đối tượng phạm tội mua bán người

Một số nạn nhân lo sợ các mối đe dọa và trả thù từ những kẻ phạm tội mua bán người khi họ tới gặp cơ quan có thẩm quyền để tố giác hành vi mua bán người. Những kẻ phạm tội thường xuyên đe dọa gây tổn hại cho các nạn nhân hoặc các thành viên trong gia đình của họ. Nỗi lo sợ này có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi nạn nhân không biết rằng mình có thể được bảo vệ hoặc thiếu niềm tin vào các biện pháp bảo vệ.

Trong trường hợp này, cần thiết phải giải thích cho nạn nhân biết về các biện pháp bảo vệ có thể được áp dụng nếu có sự đe dọa hoặc xâm hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân và gia đình họ. Có thể hướng dẫn nạn nhân viết đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ nếu thấy cần thiết.

Cảm giác xấu hổ và sợ bị kỳ thị hoặc bị cộng đồng xa lánh

Khi danh tính và quyền riêng tư của nạn nhân và gia đình họ không được bảo vệ bởi các chương trình hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân, nạn nhân có thể lo sợ rằng việc nhận diện có thể dẫn đến sự kỳ thị và bị cộng đồng xa lánh. Điều này đặc biệt đúng đối với nạn nhân của mua bán người vì mục đích bóc lột tình dục hay cưỡng ép kết hôn. Nạn nhân có thể lo sợ rằng nếu họ thừa nhận họ là nạn nhân, gia đình sẽ bị hổ thẹn, xa lánh, bị kỳ thị... và khiến cho họ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công việc phù hợp để nuôi sống bản thân và gia đình cũng như tái hòa nhập cộng đồng và xã hội. Ngoài ra, rất nhiều gia đình đã phải vay nợ để có tiền giải cứu con em họ thoát khỏi những kẻ phạm tội đang giam giữ họ khiến cho nạn nhân khi trở về thường có suy nghĩ mình là gánh nặng cho gia

¹ Bộ tài liệu tập huấn liên ngành về phòng, chống mua bán người, Ban Chỉ đạo Chương trình 130/CP năm 2016, Bộ Công an.

đỉnh.

Trong trường hợp này, cơ quan chức năng cần cho nạn nhân biết rằng họ có thể nhận được rất nhiều hỗ trợ từ vật chất, tinh thần, đến chăm sóc y tế, sức khỏe, bao gồm cả học nghề, vay vốn xóa đói giảm nghèo... để giảm bớt gánh nặng đối với gia đình. Ngoài ra, cơ quan thực thi pháp luật còn có thể động viên nạn nhân tìm kiếm sự giúp đỡ về tinh thần của các tổ chức đoàn thể tại địa phương như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...

Sang chấn tâm lý và những vấn đề về sức khỏe

Khi bị mua bán, nạn nhân phải trải qua những trải nghiệm hãi hùng. Họ có thể bị lạm dụng tình dục, bị tra tấn bằng bạo lực, phải chứng kiến người khác bị bạo lực, chịu điều kiện sống và làm việc tồi tệ, không có tự do hoặc lựa chọn nào khác... Chính những trải nghiệm bị buôn bán đã khiến nhiều nạn nhân bị căng thẳng và trầm cảm trầm trọng. Họ có thể bị ám ảnh bởi những hình ảnh, âm thanh gợi nhớ lại quãng thời gian khủng khiếp mà mình đã trải qua khi bị mua bán. Những ám ảnh tâm lý còn lớn hơn nhiều đối với những nạn nhân bị mua bán khi là trẻ em. Từ đó, nạn nhân nảy sinh tâm lý không ổn định và bất hợp tác ngay cả khi làm việc với lực lượng thực thi pháp luật.

Do vậy, việc trấn an tâm lý là một điều vô cùng quan trọng đối với bất cứ ai khi làm việc hoặc hỗ trợ nạn nhân. Ngoài ra, cán bộ thực thi pháp luật cũng cần phải tránh việc sử dụng những từ ngữ có thể gây tổn thương hoặc mang tính miệt thị, kì thị đối với nạn nhân. Thực tế cho thấy, việc có thêm người thân bên cạnh hoặc có người hỗ trợ cùng giới tính, đồng cảm và thấu hiểu với hoàn cảnh và tình trạng của nạn nhân có thể giúp cho tâm lý của nạn nhân ổn định và tự tin hơn.

Hợp tác nhưng cung cấp thông tin không chính xác

Ngay cả khi nạn nhân hợp tác với cán bộ thực thi pháp luật, lời khai của họ có thể không hoàn toàn đáng tin cậy. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc lời khai của nạn nhân bị mua bán không phù hợp với chứng cứ hoặc các tình tiết đưa ra không logic, không đầy đủ. *Thứ nhất*, nạn nhân có thể bị mất trí nhớ do các sang chấn tâm lý hoặc các nguyên nhân khác (sử dụng chất kích thích như rượu bia, ma túy, tổn thương não bộ...). *Thứ hai*, có khả năng nạn nhân đang cố gắng bao che cho tội phạm mua bán người vì những lý do đã nêu ở trên. *Thứ ba*, không loại trừ trường hợp nạn nhân ban đầu đồng thuận với đối tượng phạm tội, trốn ra nước ngoài lao động hoặc hành nghề mại dâm bất hợp pháp, tuy nhiên khi bị bắt hoặc được giải cứu thì họ tự nhận mình là nạn nhân bị mua bán để nhận hỗ trợ và không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm pháp của mình.

Trong trường hợp này, đối với những nạn nhân bị sang chấn tâm lý hoặc tổn thương sức

khỏe dẫn đến mất trí nhớ, người tiến hành tố tụng cần ưu tiên giúp nạn nhân phục hồi sức khỏe và tâm lý trước, sau khi sức khỏe của họ ổn định thì tiến hành các thủ tục tố tụng sau. Đối với trường hợp nạn nhân bao che cho tội phạm, lực lượng thực thi pháp luật không nên dọa dẫm việc nạn nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Thay vì đó, nạn nhân nên được giải thích về nghĩa vụ hợp tác và vai trò đặc biệt quan trọng của mình để giúp đưa đối tượng phạm tội ra trước pháp luật, từ đó cứu được những người vô tội khác. Đối với trường hợp nạn nhân tự nhận mình là nạn nhân bị mua bán để được nhận hỗ trợ, cần lưu ý rằng trường hợp này có xảy ra trong thực tế, tuy nhiên không phổ biến. Bởi lẽ, một khi được coi là nạn nhân bị mua bán, người đó sẽ phải hợp tác với cơ quan điều tra, bị lấy lời khai và phải có nghĩa vụ liên quan trong tố tụng hình sự với tư cách bị hại.

2. Một số khuyến nghị khi làm việc với nạn nhân bị mua bán

Để đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của nạn nhân và nhận được sự hợp tác của nạn nhân của tội phạm mua bán người, trong quá trình làm việc với nạn nhân bị mua bán, các lực lượng chức năng thực thi pháp luật cần chú ý những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, luôn tôn trọng các quyền con người của nạn nhân

Tôn trọng nạn nhân được thực hiện thông qua việc đối xử công bằng với nạn nhân, tôn trọng các lo lắng, các nhu cầu của mỗi cá nhân nạn nhân; không phán xét, quan tâm tới khác biệt về văn hóa, dân tộc; tôn trọng tinh thần và thể chất của họ. Việc thực hiện nguyên tắc về tôn trọng và bảo vệ quyền con người đòi hỏi xuyên suốt trong quá trình làm việc với nạn nhân nhằm đảm bảo thực hiện các quyền của nạn nhân.

Thứ hai, cần có sự đồng thuận của nạn nhân

Khi làm việc với nạn nhân, lực lượng chức năng phải tôn trọng sự đồng thuận của họ dựa trên các thông tin được thông báo đầy đủ. Các thông tin về chính sách, dịch vụ mà các tổ chức cung cấp cho nạn nhân và trình tự, thủ tục tiếp cận các dịch vụ đó phải được giải thích, mô tả đầy đủ và theo cách thích hợp để nạn nhân hiểu đúng trước khi họ đồng ý với bất kỳ đề nghị hay hành động nào.

Sự đồng thuận cần có một quá trình để đạt được. Nếu không thể trao đổi với nạn nhân bằng ngôn ngữ, tiếng nói của họ thì cần hỗ trợ bằng phiên dịch và viết ra giấy các ý kiến đồng thuận, hạn chế việc thỏa thuận, đồng ý chỉ bằng lời nói. Với vai trò kết nối, phải lựa chọn phiên dịch là người có hiểu biết và thái độ phù hợp trong ứng xử của các nguyên tắc bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân.

Trường hợp nạn nhân là trẻ em, cần phải hỏi ý kiến của người bảo trợ hoặc người giám hộ đối với bất kỳ hoạt động nào có liên quan. Các quan điểm của trẻ em phải được tôn trọng, cho phép trẻ được bày tỏ và cân nhắc các ý kiến của trẻ. Trẻ em là nạn nhân cũng phải được cung cấp các thông tin đầy đủ trong tất cả các quá trình hỗ trợ và thích hợp với sự hiểu biết của trẻ.

Thứ ba, không phân biệt đối xử

Luôn luôn quán triệt chính sách không phân biệt đối xử về giới tính, xu hướng tính dục, lứa tuổi, khuyết tật, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, quan điểm chính trị và các đặc điểm khác của nạn nhân.

Giữ kín và bảo mật thông tin về nạn nhân là nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khi làm việc với nạn nhân. Tất cả mọi thông tin liên quan đến nạn nhân như danh tính, thông tin cá nhân, nhận dạng... đều cần được bảo mật. Các biện pháp bảo mật thông tin như việc thu thập, chia sẻ thông tin liên quan đến nạn nhân phải được thực hiện trên nguyên tắc giới hạn trong phạm vi “cần thiết phải biết”. Chỉ những cán bộ trực tiếp tham gia làm việc với nạn nhân mới có quyền tiếp cận hồ sơ của nạn nhân và với sự đồng thuận của nạn nhân, ngoại trừ vì sự an toàn của nạn nhân hay của người khác. Các dữ liệu thông tin cá nhân phải được cân nhắc, không được tiết lộ với những người không tham gia vào quá trình làm việc với nạn nhân. Trường hợp cần chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan, cần phải đảm bảo không làm tăng nguy cơ bất lợi, ảnh hưởng đến sự an toàn và quá trình hòa nhập cộng đồng của nạn nhân. Trường hợp thông tin về nạn nhân có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của nạn nhân thì không nên chia sẻ, trừ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Nếu cần chia sẻ thông tin thì phải được sự đồng ý của nạn nhân; đảm bảo riêng tư, tạo sự an toàn và chất lượng của thông tin; không làm phiền, không cản trở, không tạo sự ngờ vực của nạn nhân, không làm ảnh hưởng đến cảm xúc của nạn nhân; thông báo đầy đủ cho nạn nhân mục đích, người tham gia, địa điểm, không làm ảnh hưởng đến quá trình hòa nhập cộng đồng của nạn nhân. Tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu thông tin cá nhân của nạn nhân phải cam kết bảo mật. Trường hợp nạn nhân là trẻ em thì việc chia sẻ thông tin phải được sự đồng ý của người đại diện hợp pháp.

Thứ tư, không gây tổn hại

Trong quá trình tiếp xúc, làm việc và hỗ trợ nạn nhân, cán bộ chức năng cần lưu ý và lường trước những khả năng mà công việc của mình có thể gây nên những rủi ro về an toàn, tâm lý hoặc xã hội đối với những nạn nhân hoặc người thân thích của họ. Chính vì vậy, việc nhận thức được nguyên tắc không gây tổn hại là rất quan trọng và các cán bộ cần thực hiện những việc cần thiết để

bảo vệ họ khỏi những tác động tiêu cực này.

Trước khi tiến hành cần lưu ý: Nếu gặp gỡ, tiếp xúc, làm việc, lấy lời khai nạn nhân hoặc người thân thích của họ (cha, mẹ, anh chị, họ hàng...) thì có gây ra cho họ những những rủi ro về an toàn, tâm lý, xã hội hoặc kinh tế nào không? Trong quá trình tiếp xúc và làm việc, cần có sự quan sát xung quanh xem môi trường có an toàn, riêng tư, thân thiện, phù hợp? Có ai đang quan sát hay nghe cuộc trò chuyện không? Người tham gia có cảm thấy thoải mái không? Cần nhận biết xem có dấu hiệu nào cho thấy việc mình đang làm sẽ tăng nguy cơ bị trả thù hoặc bị kỳ thị của những người khác đối với nạn nhân không? Nếu có, hãy cân nhắc việc hoãn hoặc thay đổi lịch hoặc thay đổi địa điểm tiếp xúc. Trong quá trình làm việc cũng cần đảm bảo không làm tăng tình trạng dễ bị tổn thương của nạn nhân hay gia đình họ và tăng thêm gánh nặng cho tình trạng hiện tại của họ.

Thứ năm, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em

Tất cả sự giúp đỡ và bảo vệ cho trẻ em phải dựa trên nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em. Các tổ chức, cá nhân, nhà nước, tư nhân, cơ sở xã hội, cơ quan tiến hành tố tụng, chính quyền đều phải quan tâm đến lợi ích tốt nhất của trẻ. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ, do vậy người làm công tác bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân cần nhạy cảm với các nhu cầu đặc biệt và hoàn cảnh khó khăn của trẻ. Các dịch vụ cần được “cá nhân hóa” phù hợp với nhu cầu của trẻ, có sự tham gia nhiều nhất của trẻ; thực hiện các biện pháp giảm mặc cảm và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của trẻ. Nạn nhân là trẻ em có những nhu cầu đặc biệt, vì vậy các em cần được bảo vệ, chăm sóc đặc biệt. Nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được thực hiện trong mọi giai đoạn chăm sóc và bảo vệ nạn nhân là trẻ em. Trường hợp không rõ tuổi của trẻ và không có giấy tờ hợp pháp chứng thực tuổi của trẻ, tùy theo thời gian để xác định độ tuổi là trẻ em, có khả năng là trẻ em thì nên cho đó là trẻ em./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc, năm 2000);
2. Luật Phòng, chống mua bán người, năm 2011;
3. Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;
4. Bộ luật hình sự, năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
5. Bộ tài liệu tập huấn liên ngành về phòng, chống mua bán người, Ban Chỉ đạo Chương trình 130/CP năm 2016, Bộ Công an.